| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THÁI THỤY**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 99/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 12 - 2017.
*V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa anh C và chị V*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Hoàn gVăn Tuấn

2. Bà Lê Thị Hạnh

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Tiến Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 257/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Xuân C** sinh năm 1976; (*Có mặt*)

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Thôn L, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị **Đoàn Thị V** sinh năm 1979;(*Vắng mặt*)

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Thôn L, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện,tại bản tự khai, tại các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Bùi Xuân C trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị V tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 9 năm 1997 tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp thường xuyên xô xát. Năm 2011 anh đi lao động tại nước ngoài đến năm 2015 anh về nước, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Chị V đã về

nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã D, huyện T để sống ly thân. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị V.

Về quan hệ con chung: Anh C và chị V có 02 con chung là Bùi Xuân T sinh ngày 18/4/1998 và Bùi Ngọc L sinh ngày 05/9/2005. Con T đã đủ 18 tuổi anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy con L và không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh chị không có tài sản gì chung, không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác qua UBND xã D và gia đình chị V nhưng chị V không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình trong vụ án, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương và tại gia đình chị V.

Tại biên bản xác minh ngày 06/11/2017, chính quyền địa phương cung cấp, anh C và chị V có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình có hộ khẩu thường trú tại xã D. Chính quyền địa phương không nắm rõ được mâu thuẫn giữa anh C và chị V, có hai con chung là Bùi Xuân T và Bùi Ngọc L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Chính quyền địa phương cũng đã cử văn thư gửi Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy cho gia đình chị V.

Tại biên bản xác minh ngày 22/11/2017, ông Đoàn Đắc Đ, là bố đẻ của chị V trình bày gia đình đã chuyển thông báo thụ lý vụ án cho chị V, chị V không đồng ý ly hôn, việc ly hôn của anh chị gia đình không can thiệp.

Anh C và chị V có 02 con chung là T và L. Hiện cả 02 con chung đều đang ở cùng với anh C. Về tài sản chung của anh C và chị V gia đình không nắm rõ.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh C được ly hôn chị V; giao cho anh C trực tiếp nuôi dạy con chung Bùi Ngọc L. Anh C không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Xuân C và chị Đoàn Thị V tự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 9 năm 1997 tại UBND xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (*Giấy chứng nhận kết hôn số 17, 1997*) là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, việc anh chị xảy ra mâu thuẫn là có thật, chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, đã được bố đẻ chị V xác nhận. Anh chị cũng đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Vì vậy, xét tình trạng hôn nhân, xét yêu cầu xin ly hôn cho thấy anh C và chị V mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho anh chị. Do đó, áp dụng các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Bùi Xuân C được ly hôn chị Đoàn Thị V là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Anh C và chị V có 02 con chung là Bùi Xuân T sinh ngày 18/4/1998 và Bùi Ngọc L sinh ngày 05/9/2005. Con T đã đủ 18 tuổi anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Con L có đơn xin ở với bố là phù hợp với yêu cầu nhận nuôi của anh C cần chấp nhận. Anh C không yêu cầu chị V cấp dưỡng cho con L nên không đặt ra giải quyết

[4] Về quan hệ tài sản: Anh C xác định không có tài sản gì chung, không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị V không đến Tòa án trình bày về tài sản chung nên có quyền khởi kiện về tài sản chung sau khi ly hôn, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Anh Bùi Xuân C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Xuân C được ly hôn chị Đoàn Thị V.

2. Về quan hệ con chung: Anh C và chị V có 02 con chung là Bùi Xuân T sinh ngày 18/4/1998 và Bùi Ngọc L sinh ngày 05/9/2005. Con T đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết. Giao con L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng,

chị V không phải cấp dưỡng cho con L. Chị V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh C và chị V có quyền thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh C xác định không có tài sản gì chung, không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị V có quyền khởi kiện về tài sản chung sau khi ly hôn Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Anh Bùi Xuân C phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền tạm ứng án phí ly hôn anh C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, biên lai số 000xxxx ngày 11/10/2017 thành tiền án phí.

Anh C có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/12/2017. Chị V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Hằng**